

Xây dựng hệ giá trị gia đình ở Đồng bằng sông Hồng: Thực trạng và những vấn đề đặt ra hiện nay

Ngày nhận bài: 20/08/2026 | Ngày phản biện: 08/09/2026 | Ngày xuất bản: 15/10/2026

Tác giả: Trần Thị Thanh Bình (Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Hưng Yên; NCS ngành CNXHKH (Khoá 40) HVCTQG HCM)

Tóm tắt: Bài viết phân tích một số biểu hiện của việc thừa nhận, thực hành giá trị gia đình và các điều kiện ảnh hưởng đến quá trình xây dựng hệ giá trị gia đình ở Đồng bằng sông Hồng. Bằng phương pháp phân tích và đối chiếu tài liệu thứ cấp, nghiên cứu nhận diện sự khác biệt trong lựa chọn giá trị tại một số địa bàn và sự phân hóa về nguồn lực thực hành. Các nghiên cứu được dẫn cho thấy thủy chung, trách nhiệm liên thế hệ và giáo dục tiếp tục có ý nghĩa trong đời sống gia đình; đồng thời đặt ra yêu cầu gắn sự tôn trọng cá nhân và bình đẳng với chăm sóc, đối thoại và chia sẻ. Số liệu thống kê về di cư, việc làm, tuổi thọ và tiếp cận Internet được sử dụng để phân tích bối cảnh, không thay thế bằng chứng trực tiếp về hành vi gia đình. Bài viết đề xuất cụ thể hóa chuẩn mực, hỗ trợ điều kiện thực hành và tăng cường phối hợp giữa gia đình, Nhà nước, nhà trường và cộng đồng.

1. Đặt vấn đề

Gia đình là môi trường chuyển hóa các chuẩn mực xã hội thành phẩm chất và hành vi của cá nhân; vì vậy, các quan hệ hôn nhân, chăm sóc, giáo dục và trách nhiệm liên thế hệ có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng con người và sự phát triển bền vững. Đại hội XIII xác định yêu cầu xây dựng đồng bộ hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tr.143). Đại hội XIV tiếp tục nhấn mạnh các phẩm chất đạo đức, trí tuệ, trách nhiệm công dân, thượng tôn pháp luật, năng lực sáng tạo và kỹ năng số (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026, tập I). Định hướng này phù hợp với quan điểm phát triển văn hóa, con người gắn với bản sắc dân tộc, trách nhiệm và khát vọng phát triển đất nước (Nguyễn Phú

Trọng, 2024). Do đó, xây dựng hệ giá trị gia đình không chỉ là xác định những giá trị cần hướng tới mà còn phải tạo điều kiện chuyển hóa chúng thành hành vi thực tế.

Đồng bằng sông Hồng là địa bàn tiêu biểu để nghiên cứu quá trình xây dựng hệ giá trị gia đình trong bối cảnh biến đổi xã hội. Truyền thống làng xã, khoa bảng và sự gắn kết gia đình - dòng họ tại đây đang chịu tác động mạnh của công nghiệp hóa, đô thị hóa, di cư lao động và chuyển đổi số (Nghị quyết số 30-NQ/TW, 2022). Sơ bộ, tính đến năm 2025, dân số trung bình vùng Đồng bằng sông Hồng đạt 24,311 triệu người, tăng 1,23% so với năm 2024; mật độ dân số đạt 1.143 người/km². Dân số thành thị đạt 10,457 triệu người, tăng 11,55%, chiếm 43,01% dân số vùng, cao hơn 3,98 điểm phần trăm so với năm trước (Cục Thống kê, 2026). Những đặc điểm này là bối cảnh cần xem xét khi phân tích điều kiện việc làm, nhà ở, giáo dục và dịch vụ chăm sóc của các gia đình trong vùng.

Các nghiên cứu của Lê Ngọc Văn (2017), Trần Thị Minh Thi (2021), Vũ Thị Phương Hậu (2023) và Đặng Thị Hoa (2023) đã luận giải sự kế thừa, biến đổi và yêu cầu phát huy hệ giá trị gia đình Việt Nam. Tuy nhiên, mối liên hệ giữa đặc điểm vùng, biến đổi dân số - xã hội và điều kiện thực hành giá trị ở Đồng bằng sông Hồng chưa được làm rõ đầy đủ. Trên cơ sở đó, bài viết phân tích nội dung, thực trạng và những vấn đề đặt ra trong xây dựng hệ giá trị gia đình ở vùng hiện nay, tập trung làm rõ quá trình chuyển hóa từ giá trị được thừa nhận thành hành vi của các thành viên.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp phân tích tài liệu kết hợp so sánh. Nguồn tư liệu gồm văn kiện, chính sách và số liệu thống kê cập nhật; các điều tra quốc gia; một số công trình nền tảng về văn hóa Đồng bằng sông Hồng; cùng các nghiên cứu công bố chủ yếu trong giai đoạn 2016–2025 về hệ giá trị và đời sống gia đình ở Đồng bằng sông Hồng. Tư liệu được phân tích theo các chủ đề: quan hệ liên thế hệ, bình đẳng, hiếu học, di cư, già hóa, việc làm và môi trường số. So sánh theo thời gian và địa phương được sử dụng để nhận diện sự biến đổi và phân hóa trong vùng. Số liệu năm 2024 và sơ bộ năm 2025 tuân theo phân vùng thống kê trước sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh năm 2025. Do khác biệt về thời điểm, đơn vị phân tích và phạm vi khảo sát, bài viết không suy rộng kết quả của từng nghiên cứu trường hợp cho toàn bộ gia đình

trong vùng.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Kết quả nghiên cứu

3.1.1. Khái quát về xây dựng hệ giá trị gia đình Việt Nam ở vùng Đồng bằng sông Hồng

Hệ giá trị gia đình là cấu trúc động gồm các giá trị cơ bản được thành viên chia sẻ và xác lập theo thứ bậc; mang tính lịch sử – xã hội; có chức năng định hướng quan hệ, điều chỉnh hành vi và hỗ trợ gia đình thực hiện các chức năng xã hội. Các giá trị liên kết, bổ sung cho nhau và chi phối cách ứng xử trong quan hệ vợ chồng, cha mẹ – con cái, chăm sóc, giáo dục và tổ chức sinh kế. Cấu trúc này vừa ổn định tương đối nhờ trao truyền liên thế hệ, vừa biến đổi theo điều kiện kinh tế – xã hội, môi trường văn hóa và nhu cầu phát triển của thành viên.

Xây dựng hệ giá trị gia đình là hoạt động có mục đích và định hướng nhằm lựa chọn, kế thừa, phát triển và hiện thực hóa những giá trị phù hợp với truyền thống văn hóa và yêu cầu phát triển đất nước. Gia đình và từng thành viên là chủ thể trực tiếp; Nhà nước, nhà trường, cộng đồng, tổ chức xã hội và truyền thông tham gia định hướng và hỗ trợ. Kết quả được xem xét qua nhận thức, chuẩn mực ứng xử, chất lượng quan hệ và khả năng thực hiện các chức năng gia đình.

Ở Đồng bằng sông Hồng, xây dựng hệ giá trị gia đình là quá trình cụ thể hóa những giá trị chung của gia đình Việt Nam trong không gian lịch sử, văn hóa và xã hội đặc thù của vùng. Văn minh lúa nước, kết cấu làng xã, quan hệ gia đình – dòng họ, ảnh hưởng của Nho giáo và truyền thống khoa bảng đã góp phần hình thành, củng cố các giá trị tình nghĩa, trách nhiệm liên thế hệ, coi trọng gia phong và hiếu học (Vũ Tự Lập, 1991, tr.173). Tuy nhiên, những giá trị này không được bảo lưu nguyên trạng mà đang được sàng lọc, bổ sung và điều chỉnh trước tác động của công nghiệp hóa, đô thị hóa, di cư, già hóa dân số, biến đổi nghề nghiệp và chuyển đổi số.

Như vậy, xây dựng hệ giá trị gia đình Việt Nam ở vùng Đồng bằng sông Hồng có thể được hiểu là hoạt động có mục đích của các chủ thể nhằm lựa chọn, kế thừa, phát triển và hiện thực hóa những giá trị gia đình Việt Nam phù hợp với đặc điểm văn hóa

và điều kiện kinh tế - xã hội của vùng. Quá trình này vừa kế thừa giá trị truyền thống còn tích cực, vừa bổ sung bình đẳng, tôn trọng quyền cá nhân, tuân thủ pháp luật và năng lực thích ứng. Đặc thù vùng chủ yếu thể hiện ở thứ bậc, phương thức trao truyền và cách thực hành giá trị qua gia đình, dòng họ, cộng đồng làng xã và truyền thống khuyến học.

3.1.2. Nội dung cơ bản của xây dựng hệ giá trị gia đình Việt Nam ở vùng Đồng bằng sông Hồng hiện nay

Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2030 xác định mục tiêu xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh (Quyết định số 2238/QĐ-TTg, 2021). Kế thừa định hướng này và các nghiên cứu về giá trị gia đình, bài viết sử dụng ba nhóm giá trị làm khung phân tích: nhóm nền tảng gồm yêu thương, thủy chung, tôn trọng lẫn nhau; nhóm điều chỉnh hành vi gồm hiếu thảo, kính trên nhường dưới, trách nhiệm, chia sẻ; nhóm phát triển gồm bình đẳng và hiếu học. Cách phân nhóm theo chức năng này không hàm ý một thứ bậc đã được kiểm chứng cho toàn vùng. Nội dung xây dựng được triển khai qua ba quá trình sau:

Thứ nhất, kế thừa và sàng lọc các giá trị truyền thống. Yêu thương, hiếu nghĩa, thủy chung, trách nhiệm, cần cù, tiết kiệm, hiếu học và tinh thần cộng đồng tiếp tục tạo nền tảng ổn định của gia đình trong vùng. Tuy nhiên, kế thừa không đồng nghĩa bảo lưu nguyên trạng. Cần phân biệt giá trị cốt lõi với hình thức biểu hiện lịch sử: hiếu thảo là quan tâm, phụng dưỡng và tôn trọng cha mẹ, không phải phục tùng tuyệt đối; kỷ cương không đồng nghĩa với quyền lực gia trưởng; gìn giữ danh dự gia đình không thể là lý do che giấu bạo lực hoặc hạn chế quyền phát triển của thành viên. Sự sàng lọc này giữ được chiều sâu đạo đức của truyền thống nhưng loại bỏ những biểu hiện trái với bình đẳng và pháp luật.

Thứ hai, phát triển các chuẩn mực phù hợp với yêu cầu của gia đình hiện đại. Bình đẳng, tôn trọng nhân phẩm, quyền riêng tư, đối thoại và chia sẻ trách nhiệm cần được cụ thể hóa trong quan hệ gia đình. Việc tuân thủ pháp luật xác lập giới hạn bảo vệ quyền và nghĩa vụ của các thành viên; năng lực số là điều kiện hỗ trợ học tập, giao tiếp và thực hành trách nhiệm trong môi trường mới, không được đồng nhất với một giá trị đạo đức. Trong quan hệ vợ chồng, chuẩn mực bình đẳng đòi hỏi phân công công việc

thông qua thỏa thuận; trong quan hệ cha mẹ – con cái, tôn trọng phải đi cùng định hướng, nêu gương và đối thoại. Quyền tự chủ của thành viên được thực hiện trong mối liên hệ với nghĩa vụ chăm sóc và trách nhiệm đối với gia đình.

Thứ ba, điều chỉnh và tích hợp các giá trị trong thực tiễn gia đình. Tích hợp không phải tạo thêm một “nhóm giá trị” tách biệt, mà là đổi mới cách thức thực hiện các giá trị đã được thừa nhận. Trong điều kiện di cư lao động, hiếu thảo có thể được thể hiện bằng hỗ trợ kinh tế, liên lạc số, thăm nom và tổ chức dịch vụ chăm sóc, thay vì chỉ bằng cùng cư trú. Khi phụ nữ tham gia sâu hơn vào thị trường lao động, trách nhiệm nội trợ và chăm sóc cần được phân chia theo điều kiện, năng lực và thỏa thuận, thay vì mặc định theo giới. Hiếu học cũng cần mở rộng từ theo đuổi bằng cấp sang học tập suốt đời, năng lực nghề nghiệp và kỹ năng số. Điểm cốt lõi của quá trình xây dựng vì vậy không nằm ở số lượng giá trị, mà ở khả năng chuyển giá trị thành hành vi có thể nhận biết trong chăm sóc, đối thoại, phân công lao động và giáo dục con cái.

3.1.3. Thực trạng và những vấn đề đặt ra trong xây dựng hệ giá trị gia đình ở vùng Đồng bằng sông Hồng

Quá trình xây dựng hệ giá trị gia đình ở Đồng bằng sông Hồng hiện nay diễn ra trong sự kế thừa, điều chỉnh và bổ sung các giá trị dưới tác động của những biến đổi kinh tế - xã hội. Các giá trị truyền thống như yêu thương, thủy chung, hiếu thảo, trách nhiệm và hiếu học vẫn giữ vị trí quan trọng; đồng thời, bình đẳng, tôn trọng cá nhân, chia sẻ và năng lực thích ứng ngày càng được coi trọng. Tuy nhiên, mức độ thừa nhận giá trị không đồng nhất với khả năng hiện thực hóa giá trị trong đời sống. Sự khác biệt về thu nhập, việc làm, nơi cư trú, giới, tuổi và khả năng tiếp cận dịch vụ làm cho cùng một giá trị có thể được thực hành theo những cách thức và đạt những kết quả khác nhau. Thực trạng đó được thể hiện qua một số vấn đề chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, sự gia tăng dân số và phân hóa dòng di cư đang làm thay đổi không gian thực hành giá trị gia đình. Dân số trung bình của vùng tăng từ 22,920 triệu người năm 2020 lên 24,311 triệu người năm 2025, tức tăng khoảng 1,391 triệu người, tương đương 6,07% (Cục Thống kê, 2026, tr. 104). Năm 2025, tỷ suất di cư thuần của toàn vùng đạt 3,1‰ nhưng khác biệt rõ giữa các địa phương: Bắc Ninh đạt 43,7‰, Hưng Yên 5,3‰, trong khi Thái Bình, Nam Định và Quảng Ninh lần lượt ở mức -3,7‰, -

2,4‰ và -1,3‰ (Cục Thống kê, 2026, tr. 139). Những số liệu này cho thấy các trung tâm công nghiệp tiếp tục thu hút lao động, trong khi một số địa phương đối diện với tình trạng xuất cư. Di cư có thể mở rộng cơ hội việc làm và tạo nguồn lực kinh tế cho gia đình, nhưng đồng thời làm thay đổi phương thức chăm sóc, giao tiếp và duy trì quan hệ giữa các thế hệ.

Thứ hai, các giá trị gắn kết tình cảm và trách nhiệm vẫn được duy trì nhưng thứ bậc của một số giá trị truyền thống đã thay đổi. Trong mẫu khảo sát 825 người tại Thái Bình cho thấy thủy chung vợ chồng được 96,0% người trả lời lựa chọn, trong khi việc ông bà, cha mẹ sống chung với con cháu chỉ được 24,1% lựa chọn. Giá trị bình đẳng giới và bình đẳng giữa các thế hệ đạt 51,6%, còn tôn trọng lễ giáo theo nghĩa những quy tắc cứng nhắc được 39,5% người trả lời ưu tiên (Lê Ngọc Văn, 2017). Các tỷ lệ phản ánh lựa chọn tại thời điểm khảo sát, không trực tiếp phản ánh hành vi hoặc mức độ thay đổi theo thời gian. Việc lựa chọn sống chung với tỷ lệ thấp hơn thủy chung cũng không đồng nghĩa với suy giảm trách nhiệm chăm sóc. Kết quả gợi mở yêu cầu phân biệt ý nghĩa của giá trị với hình thức thực hiện, đồng thời cần tránh suy rộng nghiên cứu trường hợp này thành đặc điểm thống nhất của toàn vùng.

Thứ ba, sự thay đổi trong thứ bậc giá trị đang đi cùng với những điều chỉnh trong quan hệ giữa các thành viên gia đình. Nghiên cứu tại Ninh Bình cho thấy quan hệ cha mẹ – con cái có xu hướng chuyển từ sự chi phối một chiều sang coi trọng hơn tính tự chủ và tiếng nói của người trẻ. Cha mẹ vẫn giữ vai trò định hướng, nhưng con cái được chủ động hơn trong các lựa chọn cá nhân. Tuy nhiên, việc trao đổi giữa cha mẹ và con cái về học tập, công việc gia đình và những quyết định quan trọng chưa thực sự thường xuyên (Nguyễn Mạnh Cường & Vũ Diệu Trung, 2024, tr. 68). Trong phạm vi nghiên cứu được dẫn cho thấy, sự thừa nhận quyền cá nhân đã có chuyển biến, nhưng chưa được chuyển hóa đồng đều thành kỹ năng lắng nghe, chia sẻ và cùng tham gia quyết định trong gia đình.

Thứ tư, hiếu học vẫn là nguồn lực nổi bật nhưng khả năng đầu tư cho giáo dục phân hóa theo điều kiện kinh tế và nơi cư trú. Phân tích dữ liệu Khảo sát mức sống dân cư năm 2018 cho thấy tỷ lệ chi tiêu cho giáo dục khác biệt đáng kể giữa các địa phương: Hải Phòng đạt gần 10%, Hà Nội và Bắc Ninh khoảng 7%, Thái Bình khoảng 3%, còn nhiều địa phương khác dao động từ 4% đến 6%. Thu nhập, trình độ và giới tính của

chủ hộ, trợ cấp giáo dục, số người đi học, việc học thêm và khu vực cư trú đều có ảnh hưởng đến mức chi của hộ gia đình cho giáo dục (Ngô Thị Ngoan et al., 2021). Như vậy, hiếu học được thừa nhận rộng rãi nhưng cơ hội hiện thực hóa giá trị này không giống nhau giữa các nhóm gia đình.

Thứ năm, tuổi thọ tăng làm cho trách nhiệm chăm sóc liên thế hệ trở nên quan trọng hơn. Năm 2025, tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh của vùng Đồng bằng sông Hồng đạt 76,0 tuổi, tăng 0,1 tuổi so với năm 2024 và cao hơn mức trung bình cả nước 1,3 tuổi (Cục Thống kê, 2026, tr. 141). Đây là thành tựu phát triển, nhưng cũng kéo dài thời gian cần chăm sóc người cao tuổi trong điều kiện quy mô hộ có xu hướng thu nhỏ, người trẻ di cư và phụ nữ tham gia ngày càng sâu vào thị trường lao động. Hiếu thảo vì thế không thể chỉ được hiểu là cùng cư trú hoặc giao trách nhiệm chăm sóc cho một người con, mà cần được thể hiện thông qua phân công trách nhiệm, hỗ trợ vật chất, thăm nom và sử dụng các dịch vụ chăm sóc phù hợp.

Thứ sáu, điều kiện việc làm đang tạo sức ép đối với việc thực hành các giá trị gia đình. Năm 2025, việc làm phi chính thức chiếm 52,3% tổng số việc làm của vùng, dao động từ 40,3% tại Hải Phòng đến 63,8% tại Nam Định (Cục Thống kê, 2026, tr. 167). Tỷ lệ này phản ánh cơ cấu việc làm, chưa trực tiếp cho biết thu nhập, độ ổn định sinh kế hay thời gian dành cho chăm sóc. Tác động đến đời sống gia đình còn phụ thuộc điều kiện cụ thể của từng công việc và hộ gia đình. Dữ liệu gợi mở yêu cầu bổ sung khảo sát về sinh kế, bảo đảm xã hội và quỹ thời gian để xác định các hỗ trợ cần thiết cho việc thực hành trách nhiệm và chia sẻ.

Thứ bảy, mức độ tiếp cận Internet cao đang làm thay đổi môi trường giao tiếp và giáo dục gia đình. Năm 2025, 33,0% hộ gia đình ở Đồng bằng sông Hồng có máy tính, trong khi 89,5% dân số sử dụng Internet và 91,9% hộ gia đình có kết nối Internet (Cục Thống kê, 2026). Sự chênh lệch giữa tỷ lệ sở hữu máy tính và tỷ lệ kết nối Internet cho thấy các thiết bị di động có thể giữ vai trò quan trọng trong tiếp cận môi trường số. Công nghệ mở rộng khả năng học tập, tiếp cận thông tin và duy trì liên lạc, nhưng đồng thời đặt ra yêu cầu về quản lý thời gian, kiểm chứng thông tin, bảo vệ dữ liệu và tôn trọng quyền riêng tư. Vì vậy, năng lực số cần được coi là điều kiện hỗ trợ thực hành hiếu học, trách nhiệm và gắn kết gia đình trong bối cảnh mới.

Từ thực trạng trên đặt ra yêu cầu xem xét việc xây dựng hệ giá trị gia đình ở Đồng bằng sông Hồng trong mối liên hệ giữa chuẩn mực văn hóa, quan hệ gia đình và điều kiện kinh tế – xã hội. Theo đó, việc kế thừa và phát triển các giá trị cần gắn với đổi mới phương thức thực hành, phù hợp với hoàn cảnh của từng nhóm gia đình và địa bàn. Từ đó, một số vấn đề chủ yếu được đặt ra như sau:

Một là, khoảng cách giữa chuẩn mực chung và điều kiện thực hành giá trị. Các gia đình có thể cùng đề cao hiếu học, trách nhiệm hoặc chăm sóc liên thế hệ, nhưng khả năng thực hiện khác nhau theo thu nhập, việc làm, nơi cư trú và khả năng tiếp cận dịch vụ. Nếu không tính đến sự phân hóa này, việc xây dựng hệ giá trị dễ dừng lại ở tuyên truyền chuẩn mực và vô tình đặt gánh nặng đạo đức lên những gia đình thiếu nguồn lực.

Hai là, yêu cầu sàng lọc những biểu hiện không còn phù hợp của giá trị truyền thống. Tình nghĩa, thủy chung, hiếu thảo và gia phong tiếp tục có ý nghĩa gắn kết, nhưng không thể được sử dụng để hợp thức hóa quyền lực gia trưởng, sự phục tùng tuyệt đối, phân biệt giới hoặc che giấu bạo lực. Vấn đề không phải lựa chọn truyền thống hay hiện đại, mà là giữ lại nội dung nhân văn của truyền thống và điều chỉnh phương thức thực hiện theo nguyên tắc bình đẳng, pháp luật và tôn trọng con người.

Ba là, sự gia tăng tính tự chủ và xu hướng di cư đòi hỏi đổi mới phương thức duy trì gắn kết gia đình. Khoảng cách cư trú có thể làm giảm chăm sóc trực tiếp, nhưng không tất yếu dẫn đến suy giảm trách nhiệm. Gắn kết gia đình cần chuyển dần từ sự phụ thuộc và bắt buộc cùng cư trú sang trách nhiệm tự nguyện, được thực hiện bằng chia sẻ nguồn lực, liên lạc thường xuyên, thăm nom và phối hợp tổ chức chăm sóc.

Bốn là, trách nhiệm liên thế hệ chưa được hỗ trợ đầy đủ bằng các thiết chế chăm sóc hiện đại. Khi nhu cầu chăm sóc người cao tuổi tăng, nếu trách nhiệm chỉ được quy về nghĩa vụ của con cái thì gánh nặng dễ tập trung vào phụ nữ hoặc một thành viên nhất định. Điều này có thể làm phát sinh xung đột giữa chăm sóc gia đình với việc làm và cơ hội phát triển cá nhân. Vì vậy, hiếu thảo cần được hỗ trợ bằng y tế cơ sở, chăm sóc dài hạn, dịch vụ tại cộng đồng và chính sách thân thiện với người chăm sóc.

Năm là, sự cải thiện điều kiện vật chất chưa tự động chuyển hóa thành chất lượng quan hệ gia đình. Thu nhập, tài sản và khả năng tiếp cận công nghệ không trực tiếp

cho biết mức độ đối thoại, tin cậy hoặc an toàn tâm lý giữa các thành viên. Đánh giá việc xây dựng hệ giá trị vì vậy cần kết hợp thông tin về sinh kế và dịch vụ với chỉ báo về thực hành chăm sóc, chia sẻ, tôn trọng và giải quyết bất đồng. Đây là yêu cầu đối với khung đánh giá, không phải kết luận rằng chất lượng quan hệ đã suy giảm khi điều kiện vật chất được cải thiện.

Sáu là, chuyển đổi số đòi hỏi bổ sung chuẩn mực và năng lực thực hành mới. Việc sử dụng thiết bị số trong gia đình không thể được điều chỉnh chỉ bằng cấm đoán hoặc kiểm soát một chiều. Trách nhiệm và hiểu học trong môi trường số phải được thể hiện ở khả năng kiểm chứng thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân, tôn trọng quyền riêng tư, quản lý thời gian sử dụng thiết bị và duy trì đối thoại giữa các thế hệ.

Sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh năm 2025, phạm vi và không gian quản trị của nhiều địa phương trong vùng có sự thay đổi (Nghị quyết số 202/2025/QH15, 2025). Việc sắp xếp này tạo điều kiện tích hợp nguồn lực và mở rộng khả năng cung cấp dịch vụ, nhưng cũng đặt ra yêu cầu không áp dụng đồng loạt một mô hình xây dựng hệ giá trị gia đình cho các địa bàn đô thị, công nghiệp, ven biển và nông thôn. Thực trạng trên cho thấy vấn đề trọng tâm không phải là các giá trị gia đình truyền thống mất đi, mà là sự biến đổi về vị trí, nội hàm và phương thức thực hành của chúng. Vì vậy, xây dựng hệ giá trị gia đình ở Đồng bằng sông Hồng cần vừa bảo đảm định hướng giá trị chung, vừa tính đến sự phân hóa về việc làm, di cư, cấu trúc dân số, dịch vụ chăm sóc, điều kiện giáo dục và môi trường số của từng địa phương và nhóm gia đình.

3.2. Thảo luận

Các bằng chứng được phân tích cho phép nhận diện những phương diện cần quan tâm khi xây dựng hệ giá trị gia đình ở Đồng bằng sông Hồng, nhưng chưa đủ để xác lập xu hướng biến đổi thống nhất của toàn vùng. Nghiên cứu trường hợp tại Thái Bình cho thấy khác biệt trong mức độ lựa chọn giá trị; nghiên cứu tại Ninh Bình gợi mở vấn đề chuyển hóa sự tôn trọng cá nhân thành đối thoại và tham gia quyết định. Thống kê về di cư, việc làm, tuổi thọ và Internet bổ sung bối cảnh thực hành. Đóng góp của cách tiếp cận này là đặt chuẩn mực gia đình trong quan hệ với nguồn lực thực hiện, đồng thời phân biệt điều được coi trọng, điều được thực hiện và điều kiện hỗ trợ.

Khung ba nhóm giá trị của bài viết có thể được đối chiếu với đề xuất an toàn, thịnh vượng, bình đẳng và trách nhiệm của Trần Thị Minh Thi (2021). Hai cách tiếp cận gặp nhau ở yêu cầu bảo vệ thành viên, chia sẻ trách nhiệm và mở rộng cơ hội phát triển, nhưng không phải hai hệ phân loại tương đương. Yêu thương, thủy chung và tôn trọng định hướng quan hệ tình cảm; hiếu thảo, trách nhiệm và chia sẻ định hướng chăm sóc; bình đẳng và hiếu học hỗ trợ phát triển thành viên. Cách phân nhóm được sử dụng như công cụ phân tích và định hướng thực hành, cần tiếp tục được kiểm chứng bằng khảo sát về sự thừa nhận, thứ bậc và hành vi trong các nhóm gia đình.

Tự chủ cá nhân và gắn kết gia đình không nhất thiết loại trừ nhau. Quyền lựa chọn về nghề nghiệp, hôn nhân và nơi cư trú có thể cùng tồn tại với trách nhiệm chăm sóc, chia sẻ nguồn lực và duy trì đối thoại. Vì vậy, di cư và thay đổi nơi cư trú không tất yếu làm suy yếu gia đình; vấn đề cốt lõi là khả năng tổ chức các hình thức gắn kết và chăm sóc thích ứng. Gắn kết gia đình bền vững trong bối cảnh hiện nay cần được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng và trách nhiệm, thay vì sự phụ thuộc hoặc áp đặt.

Do sử dụng các nguồn dữ liệu khác nhau về thời điểm, mẫu và đơn vị phân tích, bài viết chưa đủ cơ sở so sánh toàn diện giữa các địa phương hoặc kiểm định quan hệ nhân quả. Sự thay đổi địa giới hành chính năm 2025 đặt ra yêu cầu kiểm tra phạm vi từng bảng và chuẩn hóa chuỗi số liệu trước khi so sánh. Nghiên cứu tiếp theo cần kết hợp khảo sát hộ gia đình với phỏng vấn nhiều thế hệ tại địa bàn đô thị, công nghiệp và nông thôn; đo đồng thời giá trị được thừa nhận, hành vi, nguồn lực và sự tham gia vào các hoạt động xây dựng hệ giá trị.

3.3. Một số khuyến nghị nâng cao hiệu quả xây dựng hệ giá trị gia đình ở vùng Đồng bằng sông Hồng

Trên cơ sở phân tích bằng chứng và giới hạn nghiên cứu, các khuyến nghị tập trung vào cụ thể hóa chuẩn mực, hỗ trợ điều kiện thực hành và phát triển dữ liệu đánh giá. Đây là những định hướng cần tiếp tục điều chỉnh theo nhu cầu của địa phương và từng nhóm gia đình.

Thứ nhất, thiết lập cơ chế tích hợp linh hoạt giữa giá trị truyền thống và giá trị hiện đại. Các giá trị truyền thống cốt lõi cần được giữ vững về ý nghĩa nhân văn nhưng đổi mới cách thể hiện. Yêu thương phải gắn với không bạo lực; thủy chung với sự tin cậy và trách nhiệm; hiếu thảo với chăm sóc phù hợp khả năng; kỷ cương với tôn trọng và đối

thoại. Bình đẳng, quyền cá nhân và năng lực số cần được đưa vào đời sống gia đình như những điều kiện giúp giá trị truyền thống thích ứng, không phải lực lượng thay thế truyền thống.

Thứ hai, bảo đảm thống nhất về định hướng nhưng linh hoạt theo loại hình gia đình và địa bàn. Một số giá trị chung cần được cụ thể hóa thành hành vi có thể nhận biết, song chính sách phải dựa trên điều kiện thực tế. Ở trung tâm công nghiệp cần ưu tiên nhà ở, trường mầm non, thời gian làm việc thân thiện với gia đình và dịch vụ cho lao động di cư; ở địa bàn có di cư rông âm cần củng cố chăm sóc người cao tuổi và trẻ em ở lại; tại đô thị lớn cần hỗ trợ cân bằng công việc - gia đình và an toàn số. Sự khác biệt về di cư và việc làm cho thấy một bộ tiêu chí chung chỉ hiệu quả khi đi kèm giải pháp linh hoạt.

Thứ ba, kết hợp cơ chế điều chỉnh chính thức với các thiết chế văn hóa truyền thống. Pháp luật và chính sách phải xác lập giới hạn bảo vệ quyền, bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực; gia phong, dòng họ, hương ước và dư luận cộng đồng có thể tạo sự lan tỏa và điều chỉnh mềm. Khuyến học, tương trợ và chăm sóc liên thế hệ cần được phát huy, trong khi những tập quán củng cố phân biệt giới, áp đặt hôn nhân hoặc che giấu bạo lực phải được loại bỏ. Sự kết hợp này giúp tránh cả hành chính hóa đời sống gia đình lẫn tuyệt đối hóa tập quán.

Thứ tư, củng cố gắn kết gia đình trên cơ sở kết hợp nghĩa vụ chăm sóc với sự tự nguyện, bình đẳng, đối thoại và chia sẻ. Giáo dục gia đình cần tăng cường nêu gương và kỹ năng giải quyết bất đồng; hướng dẫn phân chia công việc, quản lý tài chính, bảo vệ trẻ em, phối hợp chăm sóc người cao tuổi và sử dụng công nghệ an toàn. Tôn trọng quyền lựa chọn của thành viên phải đi cùng thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ phù hợp. Với gia đình có thành viên di cư, cần hỗ trợ duy trì liên hệ và tổ chức chăm sóc theo điều kiện cụ thể.

Thứ năm, phát huy cơ chế đa chủ thể và theo dõi dựa trên bằng chứng. Gia đình là chủ thể trực tiếp; Nhà nước định hướng và bảo đảm dịch vụ; nhà trường giáo dục kỹ năng; cộng đồng, tổ chức xã hội và truyền thông hỗ trợ thực hành, lan tỏa giá trị. Các địa phương cần lồng ghép chỉ báo về thời gian chăm sóc, chia sẻ việc nhà, bạo lực, đối thoại cha mẹ - con cái, tiếp cận dịch vụ, kỹ năng số và mức độ hài lòng vào điều tra xã hội định kỳ. Dữ liệu cần phân tách theo giới, tuổi, nơi cư trú, việc làm và tình trạng di

cư; việc đánh giá phải chú trọng thay đổi hành vi và chất lượng quan hệ, không chỉ số lượng “gia đình văn hóa”.

4. Kết luận

Xây dựng hệ giá trị gia đình ở Đồng bằng sông Hồng là quá trình chuyển các giá trị chung của gia đình Việt Nam thành chuẩn mực và hành vi phù hợp với đặc điểm vùng. Các giá trị yêu thương, thủy chung, tôn trọng; hiếu thảo, kính trên nhường dưới, trách nhiệm, chia sẻ; bình đẳng và hiếu học có quan hệ bổ sung, cùng hướng tới gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh. Nguồn lực văn hóa của gia phong, dòng họ, cộng đồng và truyền thống hiếu học vẫn rõ nét, nhưng phương thức thực hành đang biến đổi dưới tác động của đô thị hóa, di cư, già hóa, thị trường lao động và công nghệ số.

Bằng chứng về dân số, di cư, tuổi thọ, việc làm và đầu tư giáo dục cho thấy thách thức trọng tâm không phải sự mất đi đơn giản của giá trị truyền thống, mà là khoảng cách giữa điều được coi trọng và năng lực thực hiện trong các điều kiện sống phân hóa. Vì vậy, chính sách cần chuyển từ tuyên truyền danh mục giá trị sang tạo điều kiện thực hành: cụ thể hóa hành vi, hỗ trợ chăm sóc, bảo đảm cơ hội giáo dục, thúc đẩy bình đẳng, nâng cao năng lực số và theo dõi bằng dữ liệu. Cách tiếp cận đó vừa duy trì tính liên tục văn hóa, vừa bảo đảm quyền và khả năng phát triển của mỗi thành viên trong gia đình./.

Tài liệu tham khảo

Cục Thống kê. (2025). Niên giám thống kê Việt Nam 2024. Nhà xuất bản Thống kê.

Cục Thống kê. (2026). Niên giám thống kê Việt Nam 2025. Nhà xuất bản Kinh tế - Tài chính.

Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (Tập I). Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

Đảng Cộng sản Việt Nam. (2026). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV (Tập I). Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

Đặng Thị Hoa. (2023). Giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới. Tạp chí Tuyên giáo, (2), 52–57.

Lê Ngọc Văn. (2017). Hệ giá trị gia đình Việt Nam: Truyền thống và đổi mới. Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, (11), 33–39.

Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23 tháng 11 năm 2022 về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đồng bằng sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. (2022). Bộ Chính trị.

Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. (2025). Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Ngô Thị Ngoan, Nguyễn Thị Tuyết Mai, Đàm Thị Thu Trang & Trịnh Thị Hường. (2021). Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến việc chi tiêu cho giáo dục của hộ gia đình tại các tỉnh Đồng bằng sông Hồng. Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên, 226(4), 53–61.

Nguyễn Mạnh Cường & Vũ Diệu Trung. (Chủ biên). (2024). Văn hóa gia đình trước tác động của đời sống đương đại ở Ninh Bình. Nhà xuất bản Thông tấn.

Nguyễn Phú Trọng. (2024). Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

Quyết định số 2238/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 phê duyệt Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2030. (2021). Thủ tướng Chính phủ.

Trần Thị Minh Thi. (2021). Những giá trị cơ bản của gia đình Việt Nam đương đại và một số vấn đề đang đặt ra. Nghiên cứu Gia đình và Giới, 31(2), 13–32.

Vũ Thị Phương Hậu. (2023). Xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam trong bối cảnh hiện nay. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

Vũ Tự Lập. (1991). Văn hóa và cư dân Đồng bằng sông Hồng. Nhà xuất bản Khoa học xã hội.